

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-PT

Ngày 24 – 9 – 2026

V/v Kiện chia tài sản chung, nợ
chung sau ly hôn

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh, ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2026/TLPT-HNGĐ ngày 20/7/2026 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H và bị đơn ông Đinh Quốc B đối với Bản án sơ thẩm số 70/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt;

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn N (vắng mặt) và luật sư Nguyễn Thị H1 (có mặt) - Văn phòng luật sư Buôn Ma T. Địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn:** Ông Đinh Quốc B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà E đường A, Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lă (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Khắc D - Công ty L2 và Cộng sự. Địa chỉ: A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà HR Niê; ông YT Niê và bà HM Niê; Cùng địa chỉ: Buôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt;

2. Ông Đinh Quý N4, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3 Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ. Địa chỉ: I T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm N5, sinh năm 1992 – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân, vắng mặt;

4. Văn phòng C2 - Địa chỉ: D L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H và bị đơn ông Đinh Quốc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Thị H1 trình bày:

Tôi và ông Đinh Quốc B đã đăng ký kết hôn năm 2015 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 431/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2022 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột. Tại quyết định số 43 nêu trên chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung; chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và ông Đinh Quốc B đã tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- 01 diện tích đất có chiều ngang khoảng 12m mặt đường, tổng diện tích khoảng hơn 1.000m² tại xã H Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Trong đó, phần diện tích đất 381,7m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 973298 mang tên hộ bà H'Rít N6 và ông YT Êban thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77. Nguồn gốc thửa đất do chúng tôi nhận chuyển nhượng của bà H'Rít N6 và ông YT Êban chuyển nhượng cho ông Đinh Quốc B ngày 06/9/2023. Trên đất đã xây dựng một nhà ở và một nhà kho.

- 01 Xe ô tô Hiệu KIA biển kiểm soát 47A-185.52.

- 01 Hệ thống máy móc về phân loại hàng trong quá trình chúng tôi tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tôi và ông Đinh Quốc B đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung 02 lần nhưng ông Đinh Quốc B đều lật lọng không giữ lời hứa, những điều đã cam kết. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 31/7/2022 chúng tôi làm biên bản tự thỏa thuận mức giá và cả 02 bên có trách nhiệm tìm người để bán số tài sản trên và chia đều cho 02 bên (Có sự chứng kiến của 02 anh: Bùi Ngọc H3, Đinh Quý N7) nhưng khi tôi tìm được người mua thì ông Đinh Quốc B lật lọng không giao giấy tờ liên quan đến tài sản trên nên không bán được.

Lần thứ 2: Ngày 30/5/2023 tôi và ông B thống nhất việc phân chia tài sản chung gồm: 01 diện tích đất có chiều ngang khoảng 12m mặt đường, tổng diện tích khoảng hơn 1000m². Trong đó, phần diện tích đất 381,7m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà H'Rít N6 và ông YT Êban thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77. Toàn bộ diện tích đất này tọa lạc tại xã H Tp., tỉnh Đắk Lắk; chúng tôi nhận chuyển nhượng của bà H'Rít N6 và ông YT Êban. Trên đất đã xây dựng một nhà ở và một nhà kho. 01 Xe ô tô Hiệu KIA biển kiểm soát 47A-185.52. 01 Hệ thống máy móc về phân loại hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh như sau:

Hai bên thống nhất toàn bộ giá trị tài sản chung là 4.400.000.000đồng, tài sản sẽ giao ông Đình Quốc B là người quản lý và sử dụng, ông Đình Quốc B có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu H số tiền 2.200.000.000đồng trước ngày 27/02/2024. Và ông B có cam kết sẽ trả số tiền 2.200.000.000đồng trước ngày 27/02/2024 đến thời hạn hai bên thỏa thuận mà ông Đình Quốc B không thực hiện việc trả tiền cho tôi thì sẽ giao số tài sản trên lại cho bà Bùi Thị Thu H và bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán lại cho ông B 2.200.000.000đồng

Sau khi thống nhất xong thì ông Đình Quốc B đã bán chiếc xe ô tô 47A-185.52 được 80.000.000 đồng và chia cho tôi một nửa là 40.000.000 đồng. Như vậy, ông Đình Quốc B còn phải trả cho tôi số tiền là 2.160.000.000 đồng.

Tuy nhiên sau đó, đến hạn trả tiền theo thỏa thuận là ngày 27/02/2024 nhưng ông B không trả tiền cho tôi và cũng không chịu giao lại tài sản như đã thỏa thuận. Do ông Đình Quốc B không thực hiện đúng cam kết khi hai bên tự thỏa thuận chia tài sản gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của tôi nên tôi đã làm đơn khởi kiện ông Đình Quốc B ra Tòa án, đề nghị TAND thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của tôi và ông Đình Quốc B.

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của tôi và ông Đình Quốc B đã thống nhất được như sau:

- *Diện tích đất có chiều ngang khoảng 12m mặt đường, tổng diện tích khoảng hơn 1.000m² tại xã H thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng QSDĐ của vợ chồng ông YT Êban và bà HR Niê. Trong đó gồm 02 thửa là:*

+ *Phần diện tích đất 381,7m² đã được cấp GCN QSDĐ số DI 973298, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CS-18614 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho hộ bà H'Rít N6 và ông YT Êban, đã đăng ký biến động sang tên ông Đình Quốc B thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77. Tài sản trên đất là một nhà ở và một nhà kho.*

+ *Phần diện tích đất còn lại là 922,4m² đất nông nghiệp tiếp giáp thửa đất số 89 kéo dài đến giáp hồ Ea Cuôr C thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77. Tài sản trên đất là nhà ở, nhà gỗ. Thửa đất chưa được cấp GCN QSDĐ.*

- *Hệ thống máy móc về phân loại hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh.*

Quá trình giải quyết vụ án trước đây, Tòa án đã xác minh về việc ông Đinh Quốc B đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 973298 tại Ngân hàng TMCP Đ1- Chi nhánh Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0099/TC23 ngày 26/9/2023 để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số K.0058/124 ngày 06/3/2024.

Việc ông Đinh Quốc B tự ý thế chấp quyền sử dụng đất (tài sản trên đất có 01 căn nhà ở) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để đảm bảo cho khoản vay riêng của ông Đinh Quốc B mà không thông báo cho tôi, không được sự đồng ý, thống nhất của tôi là không đúng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của tôi.

Đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của tôi là:

- Phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của tôi và ông B, trong đó mỗi bên được chia $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung.

- Tôi xin được nhận tài sản là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất có diện tích khoảng 1.000m² (thực tế đo là 1.304,1m²) tại xã H(nay là phường T), tỉnh Đắk Lắk (trong đó gồm thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77 diện tích 381,7m² và phần diện tích còn lại là 922,4m² thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77), toàn bộ các tài sản gắn liền với đất là nhà ở, nhà kho và hệ thống máy móc sản xuất kinh doanh. Tôi có trách nhiệm hoàn trả giá trị bằng tiền cho ông Đinh Quốc B đối với phần giá trị tài sản ông B được chia. Tôi xác định 02 thửa đất này có vị trí sát nhau trên đất có căn nhà xây cấp 4 diện tích 97,8m² nằm trên hai thửa đất nên khi chia tài sản thì không thể chia làm hai nếu chia thành hai thửa thì sẽ giảm giá trị căn nhà nên đồng ý chia tài sản và chỉ giao cho một người quản lý, sử dụng.

- Tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000 ký giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ với ông Đinh Quốc B do vi phạm điều cấm của luật.

- * Đối với các yêu cầu phản tố của ông Đinh Quốc B, tôi có ý kiến như sau:

- Tôi chỉ đồng ý chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ đối với các khoản:

- + Tiền thuế, lệ phí khi tách thửa, đăng ký sang tên quyền sử dụng đất từ gia đình bà HR Niê sang đứng tên Đinh Quốc B theo biên lai thu thuế, lệ phí của Nhà nước (nếu có).

- + T1 mua thêm 0,5m x 49,19m của gia đình bà H'Rít N6 với giá 100.000.000đồng theo Giấy bán đất và cam kết vào ngày 21/12/2022 để thêm diện tích khi làm giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 71. Phần diện tích đất này ông B mua thêm trong thời gian tôi bỏ nhà đi nên xác định là tiền riêng của ông B.

- + Đối với phần diện tích đất phía sau căn nhà cấp 4 và phía sau nhà kho khoảng 100m², tôi mua của bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê với tứ cận là: phía nam giáp Nhà kho của tôi; phía Tây giáp căn nhà cấp 4 của tôi; phía Bắc giáp phần đất của gia đình bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê; phía đông giáp phần

đất của khu du lịch Jun's Home. Phần diện tích đất này ông B mua thêm trong thời gian tôi bỏ nhà đi với giá chuyển nhượng là: 175.000.000đồng nên xác định là tiền riêng của ông B.

- Tôi Bùi Thị Thu H không đồng ý đối với các yêu cầu còn lại của ông Đinh Quốc B như:

(1) Đối với khoản nợ: 150.000.000đồng tôi và ông B vay của ông Đinh Quý N4, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thúy H4 - sinh năm 1979 (cùng trú tại Thôn B, xã H, thành phố B), trong thời kỳ hôn nhân. Số tiền trên sau khi ly hôn tôi không biết và không ký vay nên tôi không đồng ý trả chung với ông B.

(2) Tiền khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, giá trị 20.000.000đồng. Đây là tiền vợ chồng bỏ ra trong thời kỳ hôn nhân vì có trong thỏa thuận 02 lần chia tài sản nên có trong thời kỳ hôn nhân.

(3) Chi phí xây 02 trụ cổng và làm khung sắt kèm theo lưới B40 để làm hàng rào trước cổng đối với 02 thửa đất vào năm 2021 giá trị khoảng 2.000.000 đồng. Đây là tiền vợ chồng bỏ ra trong thời kỳ hôn nhân vì có trong thỏa thuận 02 lần chia tài sản nên có trong thời kỳ hôn nhân.

(4) Chi phí xây dựng bờ kè đá (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022 là: 100.000.000đồng. Tài sản này xây trên diện tích quy hoạch lòng hồ B với lại tiền ông B bỏ ra hình thành trong thời kỳ hôn nhân đã có từ thời điểm tháng 05/2023.

(5) Chi phí làm hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 04/2025: 30.000.000 đồng. Tài sản này xây trên diện tích quy hoạch lòng hồ Buôn Ea Cuôr C1.

(6) Số tiền 120.000.000 đồng vào tháng 9/2021 nói tôi lấy để tiêu xài cá nhân. Tiền này vợ chồng sử dụng trong thời kỳ hôn nhân nên tôi không đồng ý.

(7) Tiền thi công sửa chữa nhà là 275.000.000 đồng. Tôi không biết khoản tiền này nên tôi không đồng ý.

(8) Buộc tôi phải trả lại cho ông B số tiền: 500.000.000 đồng số tiền thừa kế di sản của bố mẹ ông B để lại cho ông B. Tôi không biết từ trước đến nay ông B có được chia thừa kế của ai và được sử dụng thế nào tôi không biết.

2. Bị đơn, đại diện ủy quyền của bị đơn ông Bùi Văn C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu phản tố trình bày:

* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DI 973298 cấp ngày 07/3/2023 và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²; địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và chia toàn bộ tài sản trên đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông B có

nguyện vọng được nhận lại toàn bộ tài sản và đồng ý bù lại giá trị tài sản cho bà H sau khi khấu trừ các khoản nợ chung mà ông B đã bỏ tiền ra trả.

Đối với yêu cầu T2 vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000 ký giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ với ông Đinh Quốc B do vi phạm điều cấm của luật; Yêu cầu Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 973298 cho bà H và ông Đinh Quốc B thì ông B không đồng ý vì ông B thế chấp hợp pháp theo quy định, đối với khoản nợ Ngân hàng thì ông B vay ông bảo có trách nhiệm trả tiền vay cho Ngân hàng. Ngày 28/04/2026 tôi đã trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng đã trả lại bìa đỏ cho tôi.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Hoài B1 có các yêu cầu phản tố sau:*

Trong quá trình chung sống để tạo lập lên khối tài sản, ông B1 và bà H có nợ các khoản tiền, gồm: Tiền thi công sửa chữa nhà là 275.000.000 đồng; T1 mua thêm đất, chiều rộng 0,5m x chiều dài 49,19m để đủ diện tích cấp Giấy chứng nhận QSD đất là 100.000.000 đồng; Tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiền thuế là: 50.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2015 sau khi bố mẹ ông B1 chết thì anh chị em ông B1 có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế mà bố mẹ ông B1 để lại. Đến năm 2019 anh em ông B1 bán tài sản là các thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được số tiền là 1.508.000.000 đồng. Sau khi chia đều ông B1 được hưởng số tiền là 500.000.000 đồng đây là tài sản riêng của ông B1 được hưởng và sau đó ông B1 đưa cho bà H cất giữ giữ. Tuy nhiên, sau đó bà H đã ôm toàn bộ số tiền này của ông B1 bỏ đi khỏi nhà và bà H tiêu xài cá nhân hết số tiền trên mà không hỏi ý kiến của ông B1.

Nay bị đơn khởi kiện phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án chia nợ chung trong thời kỳ hôn nhân mỗi người phải chịu ½ khoản tiền nợ chung, gồm:

(1) Đối với khoản nợ 150.000.000đồng ông B1 và bà H vay của ông Đinh Quý N4, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thúy H4 - sinh năm 1979 (cùng trú tại Thôn B, xã H, thành phố B), trong thời kỳ hôn nhân. Số tiền trên sau khi ly hôn ông B1 đã tự bỏ tiền ra để trả nợ cho ông N4, bà H4.

(2) Đối với phần diện tích đất phía sau căn nhà cấp 4 và phía sau sau nhà kho khoảng 100m², ông B1 mua của bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê với tứ cận là: phía nam giáp Nhà kho của ông B1; phía Tây giáp căn nhà cấp 4 của ông B1; phía Bắc giáp phần đất của gia đình bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê; phía đông giáp phần đất của khu du lịch Jun's Home. Phần diện tích đất này ông B1 mua thêm trong thời gian cô H bỏ nhà đi với giá chuyển nhượng là: 175.000.000đồng.

(3) Tiền khoan giếng và mua sắp máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, giá trị khoảng 20.000.000đồng

(4) Chi phí xây 02 trụ cổng và làm khung sắt kèm theo lưới B40 để làm hàng rào trước cổng đối với 02 thửa đất vào năm 2021 giá trị khoảng 2.500.000 đồng..

(5) Chi phí xây dựng bờ kè đá (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022 là: 100.000.000 đồng

(6) Chi phí làm hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 04/2025: 30.000.000 đồng.

(7) Thời gian ông B1 và bà Bùi Thị Thu H sống ly thân, thì bà H có lấy của ông B1 số tiền 120.000.000 đồng, bỏ nhà ra đi mang theo vào tháng 9/2021 để tiêu xài cá nhân.

(8) Đối với yêu cầu chia nợ chung trong thời kỳ hôn nhân mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản tiền nợ chung đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng mà ông B1 mượn của ông Trần Huy B2; Địa chỉ tại: Số D N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để đầu tư vào công ty và trả tiền mua thửa đất số 89 và 90, tờ bản đồ số 77, đất tại Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

(9) Số tiền 275.000.000 đồng ông B1 bỏ ra sửa chữa nhà.

(10) Số tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 50.000.000 đồng

(11) Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả lại cho ông bảo số tiền 500.000.000 đồng số tiền thừa kế di sản của bố mẹ ông B1 để lại.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đinh Quốc B thay đổi và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Đối với số tiền 02 lần mua đất, xây bờ kè, tiền làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền sửa chữa nhà, tiền khoan giếng, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính vào công sức đóng góp của tôi và công sức quản lý, sử dụng làm tăng giá trị của đất trong khối tài sản chung khi được chia.

+ Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền 150.000.000 đồng vay ông Đinh Quý N4 và bà Nguyễn Thị Thúy H4.

Các yêu cầu khác ông B xin rút.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm N5 – Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ trình bày:

Ngày 23/04/2025, ông Đinh Quốc B và ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0181/2025/HDTDNH-CN/SHB.121000 ký; số tiền vay 500.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển nông sản; Thời hạn của khoản vay 12 tháng. Lãi suất cho vay 9%/năm; Lãi phạt chậm trả lãi bằng 50% lãi suất trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, địa chỉ: xã H, TP B, tỉnh Đắk Lắk theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 973298 do Sở TN và MT tỉnh Đ cấp ngày 07/03/2023, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Đinh Quốc B ngày 06/09/2023, diện tích thửa đất 381,7m². Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000 ngày 23/04/2025 ký giữa Ngân hàng TMCP S (S1) với ông Đinh Quốc B tại Văn phòng Công chứng Tây Nguyên tỉnh C2, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 23/04/2025. Quá trình vay vốn tại S1, ông Đinh Quốc B vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng S1 theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngày 28/04/2026, ông đã trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng đã trả lại bìa sổ cho ông B.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H4 trình bày:

Chồng tôi là ông Đinh Quốc B là anh ruột của ông Đinh Quốc B. Đầu năm 2017, bà Bùi Thị Thu H và ông Đinh Quốc B nhờ vợ chồng tôi thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng tôi vay Ngân hàng TMCP Á vay 200.000.000 đồng (gốc và lãi thì ông B bà H phải trả) sau khi vay thì vợ chồng tôi đưa số tiền 200.000.000 đồng cho ông B, bà H vay để kinh doanh khi vay thì không viết giấy vay. Trong thời kỳ hôn nhân bà Bùi Thị Thu H và ông Đinh Quốc B đã trả cho vợ chồng tôi số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi ly hôn thì cá nhân ông B trả cho tôi 150.000.000 đồng vào ngày 27/05/2024. Nội dung tranh chấp giữa ông B với bà H đối với khoản tiền trên như thế thì tôi không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HR Niê, ông YT Niê và HM Niê trình bày:

Gia đình ông YT Niê có diện tích đất khoảng 1.000m² và 01 căn nhà cấp 4, đã được chuyển nhượng cho ông B, bà H bằng giấy viết tay vào tháng 9/2021, nay thuộc thửa đất số 89 và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77. Ông Đinh Quốc B và bà Bùi Thị Thu H đã trả đủ tiền nhận đất quản lý, sử dụng, đã rào và xây dựng tài sản trên đất. Năm 2022, ông Đinh Quốc B đã liên hệ với gia đình ông YT Niê để thực hiện thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Gia đình ông YT L Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đối với thửa đất số 89, cho con gái là HM Niê để H M đứng ra ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Quốc B, hiện ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m². Trong diện 381,7m² do khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B nói do thiếu đất nên có thỏa thuận mua thêm diện tích 0,5m x 49,19m với số tiền 100.000.000 đồng. Phần còn lại đang làm thủ tục chưa xong, nay ông Đinh Quốc B và bà Bùi Thị Thu H đã ly hôn và tranh chấp chia tài sản thì gia đình ông YT Niê không tranh chấp gì đối với diện tích đất đã bán cho ông B, bà H.

6. Người đại diện của Văn phòng C2 trình bày:

Vào ngày 23/4/2025, Văn phòng C2 có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000, số công chứng: 00003539, quyền số 04/2025/TP/CC-SCC/HĐGD giữa: Bên thế chấp: Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ và Bên nhận thế chấp: ông Đinh Quốc B; sinh ngày: 27/09/1988. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất thế chấp: số DI 973298; số vào sổ cấp GCN: CS 18614 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 07/03/2023; Thay đổi cơ sở pháp lý sang tên ông Đinh Quốc B ngày 06/09/2023 (thửa đất 89, tờ bản đồ 77, diện tích: 381,7 m², trong đó có 180 m² đất ở, địa chỉ thửa đất: Xã H, thành phố B (Nay là Phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Qua kiểm tra hồ sơ thế chấp đã đầy đủ và hợp pháp nên Văn phòng C2 đã thực hiện công chứng Hợp đồng nói trên là đúng quy định của pháp luật về công chứng. Việc nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu H yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000, số công chứng: 00003539, quyền số 04/2025/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 chứng nhận ngày 23/04/2025 là không có căn cứ pháp luật.

Văn phòng C2 xin vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự thụ lý bổ sung số: 234B/TB-TLVA đề ngày 23/9/2025 của TAND khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk.

7. Người làm chứng ông Nguyễn Văn A trình bày:

Tôi sinh sống và làm nghề nhận thầu tự do, thi công xây dựng nhà cửa, bờ kè, tường rào cho ai có nhu cầu. Khoảng tháng 10/2022, ông Đinh Quốc B có thuê tôi thi công trọn gói công trình bờ kè đá, dọc theo mép hồ E Kấp thuộc phần đất của ông B thuộc Thôn G, xã H, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Phần bờ kè này có chiều dài khoảng 50 mét, rộng 01 m và chiều cao hơn 2m.

Việc thỏa thuận giữa tôi và ông B là làm trọn gói, tôi chịu trách nhiệm thi công và bao thầu tất cả nguyên vật liệu, ông B chỉ việc trả tiền. Tổng chi phí của công trình theo thỏa thuận là 150.000.000 đồng. Việc trao đổi giữa tôi và ông B là thỏa thuận miệng, không lập Văn bản và sau khi hoàn thiện xong thì ông B đã thanh toán đủ cho tôi số tiền là 150.000.000 đồng. Ông B là người trực tiếp trả tiền cho tôi và trả bằng tiền mặt. Quá trình thỏa thuận, thi công thì ông B là người trực tiếp thương thảo với tôi, trực tiếp thuê tôi và trực tiếp trả tiền cho tôi.

Việc tranh chấp tài sản sau ly hôn giữa ông Đinh Quốc B và bà Bùi Thị Thu H thì tôi hoàn toàn không biết gì, tôi chỉ nhận thầu thi công trọn gói công trình bờ kè đá, dọc theo mép hồ Ea Cuôr Kấp còn lại tôi không biết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Người làm chứng ông YT1 Niê trình bày:

Tôi sinh sống và làm nghề thợ xây, nhận thi công nhà cửa, tường rào cho ai có nhu cầu. Khoảng cuối năm 2021, ông Đinh Quốc B có thuê tôi thi công trọn gói xây dựng 02 trụ cổng và làm khung sắt kèm lưới B40 để làm hàng rào trước cổng thuộc phần đất của ông B thuộc Thôn G, xã H, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Việc thỏa thuận giữa tôi và ông B là làm trọn gói, tôi chịu trách nhiệm thi công và bao thầu tất cả nguyên vật liệu, ông B chỉ việc trả tiền. Tổng

chi phí của công trình theo thỏa thuận là 15.000.000 đồng. Việc trao đổi giữa tôi và ông B là thỏa thuận miệng, không lập Văn bản và sau khi hoàn thiện xong thì ông B đã thanh toán đủ cho tôi số tiền là 15.000.000 đồng. Ông B là người trực tiếp trả tiền cho tôi và trả bằng tiền mặt. Quá trình thỏa thuận, thi công thì ông B là người trực tiếp thương thảo với tôi, trực tiếp thuê tôi và trực tiếp trả tiền cho tôi. Nay tôi không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

9. Người làm chứng ông Lê A1 trình bày:

Tôi sinh sống và làm nghề khoan giếng tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các khu vực phụ cận Đ. Khoảng cuối năm 2021 (tôi nhớ là vào mùa khô), ông Đinh Quốc B có nhờ tôi khoan giếng và lắp đặt các thiết bị như máy bơm, dây điện, ông kê giếng cho ông bảo tại khu vực gần hồ E thuộc Thôn G, xã H, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Ông Đinh Quốc B nhờ tôi làm trọn gói cho đến khi bật điện, bơm có nước là xong. Tổng chi phí khoan giếng và lắp đặt các bị là 30.000.000 đồng. Thỏa thuận giữa tôi và ông B là thỏa thuận miệng, không lập Văn bản và sau khi hoàn thiện xong thì ông B đã thanh toán đủ cho tôi số tiền là 30.000.000 đồng. Ông B trả tiền cho tôi bằng tiền mặt. Quá trình thỏa thuận, thi công thì ông B là người trực tiếp thương thảo với tôi, trực tiếp thuê tôi và trực tiếp trả tiền cho tôi. Ngoài ra, không có ai khác tham gia vào công việc khoan giếng giữa tôi và ông B. Nay tôi không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các Điều 18, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Tài sản chung của bà Bùi Thị Thu H và ông Đinh Quốc B gồm: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m²(Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ) giá 850.000.000 đồng và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ) giá 700.000.000 đồng, 01 giàn máy: 20.000.000 đồng, tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m² giá 178.283.972 đồng, 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m² giá 81.004.966 đồng, 01 nhà kho diện tích 214m² giá 227.764.971 đồng, 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m² giá 91.795.200 đồng, 02 trụ cổng xây gạch giá trị 2.500.000 đồng, 01 cổng sắt, khung thép giá 6.200.000 đồng, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m² giá 25.171.000 đồng, 01 mái che

khung thép mái lợp tôn giá: 600.000 đồng, 01 chuồng gà diện tích 29m² giá: 4.000.000 đồng, 03 cây lộc vừng trồng năm 2020 giá 1.800.000 đồng, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023 giá 1.500.000 đồng, 20 cây dừa trồng năm 2020 giá 4.300.000 đồng, 01 cây ổi giá 186.000 đồng, 01 cây cóc giá 186.000 đồng, 09 cây vải trồng năm 2023 giá 2.502.000 đồng tiền khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021 giá trị khoảng 20.000.000đồng, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022 là: 100.000.000đồng. Tài sản chung có giá là: 2.317.794.109 đồng.

- Chia cho bà Bùi Thị Thu H 04 phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là: 948.717.664 đồng.

- Chia cho ông Đinh Quốc B 06 phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là: 1.369.076.445 đồng

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H về việc:

- Được nhận toàn bộ tài sản chung là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ), 01 giàn máy và toàn bộ tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m², 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m², 01 nhà kho diện tích 214m², 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m², 02 trụ cổng xây gạch, 01 cổng sắt, khung thép, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m², 01 mái che khung thép mái lợp tôn, 01 chuồng gà diện tích 29m², 03 cây lộc vừng trồng năm 2020, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023, 20 cây dừa trồng năm 2020, 01 cây ổi giá, 01 cây cóc, 09 cây vải trồng năm 2023, khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022. và bù lại ½ giá trị cho ông Đinh Quốc B.

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000 ngày 23/04/2025 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ và ông Đinh Quốc B là do vi phạm điều cấm.

2. Chấp nhận một yêu cầu chia tài sản chung của bà Bùi Thị Thu H về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Buộc ông Đinh Quốc B có trách nhiệm bù chênh lệch tài sản số tiền là: 948.717.664 đồng cho bà Bùi Thị Thu H.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đinh Quốc B về việc: Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả ½ số tiền 150.000.000 đồng vay ông Đinh Quý N4 và bà Nguyễn Thị Thúy H4.

4. Giao cho ông Đinh Quốc B: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m²(Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ) giá và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ),01 giàn máy, tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m², 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m², 01 nhà kho diện tích 214m², 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m², 02 trụ cổng xây gạch, 01 cổng sắt, khung thép, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m², 01 mái

che khung thép mái lợp tôn, 01 chuồng gà diện tích 29m², 03 cây lộc vùng trồng năm 2020, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023, 20 cây dừa trồng năm 2020, 01 cây ổi giá 186.000 đồng, 01 cây cóc, 09 cây vải trồng năm 2023, giếng khoan và máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022(Giá: 2.317.794.109 đồng) và hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 4/2025 cho ông Đinh Quốc Bảo quản L1, sử dụng.

Tứ cận của thửa đất thửa đất số 89: Hướng Đông giáp thửa đất số 76, 77, cạnh dài 3,85m + 8,06m; Hướng Tây giáp đường, cạnh dài 4m; Hướng Bắc giáp thửa đất số 88, cạnh dài 48,30m; Hướng Nam giáp thửa đất số 90, cạnh dài 49,19m.

Tứ cận của thửa đất thửa đất số 90: Hướng Đông giáp thửa đất số 77; Hướng Tây giáp đường; Hướng Bắc giáp thửa đất số 89; Hướng Nam giáp phần diện tích bồi bờ hồ Buôn Cuôr C1.

Ông Đinh Quốc B có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất được giao và thực hiện nghĩa vụ tài chính nếu có theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Đinh Quốc B về việc:

Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả ½ số tiền 275.000.000 đồng tiền thi công sửa chữa nhà, trả ½ số tiền: 100.000.000 đồng tiền mua đất 0,5m x 49,19m và trả ½ số tiền 175.000.000 đồng tiền mua diện tích đất phía sau căn nhà cấp 4 và phía sau sau nhà kho khoảng 100m² mua của bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê trong thời gian bà H bỏ nhà đi, trả ½ số tiền 20.000.000 đồng tiền khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, trả ½ số tiền 2.500.000 đồng chi phí xây 02 trụ cổng và làm khung sắt kèm theo lưới B40 để làm hàng rào trước cổng đối với 02 thửa đất vào năm 2021, trả ½ số tiền 120.000.000 đồng bà H đã lấy của ông B khi bỏ nhà ra đi vào năm 2021, trả lại ½ số tiền 2.000.000.000 đồng vay ông Trần Huy B2 để mua đất và buộc bà H phải trả lại cho ông B số tiền 500.000.000 đồng tiền thừa kế mà ông B được hưởng, trả ½ số tiền 100.000.000 đồng chi phí xây dựng bờ kè đá (sát mép hồ) trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022, trả ½ số tiền 30.000.000 đồng tiền chi phí làm hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 4/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:**

- Ngày 15/5/2026, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông B; đồng thời giao hai thửa đất số 89 và 90 cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng, bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền lại phần giá trị tài sản chung mà ông B được hưởng.

- Ngày 19/5/2026, bị đơn ông Đinh Quốc B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận khoản nợ 150.000.000 đồng vay của ông Đinh Quý N4, bà Nguyễn Thị Thúy H4 và buộc bà H thanh toán lại cho ông B ½ khoản nợ này với số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông B được hưởng 60% giá trị tài sản, bà H được hưởng 40% giá trị tài sản là không bảo đảm quyền lợi cho bà H, bởi vì các tài sản chung nêu trên đều được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trong đó bà H và ông B đều có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung này. Đối với các tài sản mà ông B tại lập sau thời điểm bà H và ông B sống ly thân và ly hôn như bờ kè và hàng rào sắt trên bờ kè được xây dựng sát mép bờ hồ là công trình xây dựng bất hợp pháp. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông B về việc xác định số tiền 275.000.000 đồng mà ông B tự mình bỏ ra để tính công sức đóng góp của ông B trong việc làm tăng giá trị tài sản là không có căn cứ vì kể từ thời điểm ông B, bà H thỏa thuận phân chia tài sản thì ông B là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản; ông B tự mình làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, sau đó vay ngân hàng nên ông B là người được hưởng lợi duy nhất từ khối tài sản này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B có công sức đóng góp nhiều hơn là không đúng. Tòa án phân chia tài sản là hiện vật và giao cho ông B được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất và có trách nhiệm thanh toán giá trị cho bà H là không bảo đảm quyền lợi cho bà H bởi lẽ: Sau khi ly hôn bà H phải nuôi 02 con nhỏ, không có nhà ở, phải ở nhờ nhà bố mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này. Đối với kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đinh Quốc B rút yêu cầu phản tố đối với nội dung công nhận khoản nợ chung 150.000.000 đồng mà ông B, bà H vay ông Đinh Quý N4, bà Nguyễn Thị Thúy H4 và buộc bà H thanh toán lại cho ông B ½ khoản nợ này với số tiền 75.000.000 đồng. Đồng thời, rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố mà ông B đã rút và đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông B.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H: Căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà H và ông B, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia, tính giá trị công sức của các bên trong việc tạo lập và làm tăng giá trị của khối tài sản chung trong thời gian ông B quản lý tài sản để chia cho ông B 60% giá trị tài sản chung, chia cho bà H 40% giá trị tài sản chung, đồng thời giao cho ông B được trực tiếp quản lý sử dụng 02 thửa đất là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 70/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H và bị đơn ông Đinh Quốc B được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông B; đồng thời giao hai thửa đất số 89 và 90 cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng, bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền lại phần giá trị tài sản chung mà ông B được hưởng, thì thấy:

[2.1] Bà Bùi Thị Thu H và ông Đinh Quốc B kết hôn với nhau năm 2015 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 431/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk). Tại Quyết định số 431 nêu trên chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Riêng về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận phân chia với nhau nhưng sau đó không thống nhất được với nhau nên đề nghị giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm xác định trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông B cùng nhau tạo lập các tài sản chung gồm: Hệ thống máy móc về phân loại hàng; Quyền sử dụng đất đối với diện tích 381,7m² thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77 và diện tích 922,4m² thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ gia đình bà HR Niê, ông YT Niê và HM Niê. Các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m²; 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m²; 01 nhà kho diện tích 214m²; 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m²; 02 trụ cổng xây gạch; 01 cổng sắt, khung thép; 01 mái che khung thép diện tích 39,3m²; 01 mái che khung thép mái lợp tôn; 01 chuồng gà diện tích 29m²; 03 cây lộc vùng trồng năm 2020; 01 cây bằng lăng trồng năm 2023; 20 cây dừa trồng năm 2020; 01 cây ổi; 01 cây cóc; 09 cây vải trồng năm 2023; 01 giếng khoan; bờ kè đá (4x6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90. Sau khi ly hôn thì ông B đã sử dụng tiền riêng để nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất 0,5m x 49,19m của gia đình bà HR Niê với giá 100.000.000đồng và mua phần diện tích đất phía sau căn nhà cấp 4 và phía sau nhà kho khoảng 100m²

mua của bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê với giá chuyển nhượng là 175.000.000đồng. Toàn bộ diện tích nhận chuyển nhượng thêm này nằm trong hai thửa đất số 89 và 90, tờ bản đồ số 77. Bà H đồng ý chia $\frac{1}{2}$ số tiền 275.000.000 đồng hai lần mua đất cho ông B. Tổng giá trị tài sản nêu trên là 2.317.794.109 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo liên quan đến nội dung về xác định tài sản chung.

[2.2] Xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án ông B, bà H đều xác định từ năm 2021 bà H đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống trước thời điểm mà ông B, bà H ly hôn (tháng 8/2022); sau khi ly hôn thì một mình ông Bảo quản L1, sử dụng, trông coi diện tích 02 thửa đất; sau đó ông B bỏ ra chi phí xây dựng, tôn tạo làm tăng giá trị của đất. Ngoài ra, ông B đã sử dụng tiền riêng của mình để nhận chuyển nhượng đất 02 lần với tổng số tiền 275.000.000 đồng để mở rộng diện tích hai thửa đất 89 và 90 làm tăng giá trị của 2 thửa đất này; chi phí xây bờ kè 100.000.000 đồng, hàng rào sắt phía trên giá 30.000.000 đồng... Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của ông Đình Quốc B lớn hơn và chia cho ông B 06 phần và chia cho bà H 04 phần trong tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Căn cứ theo kết đo vẽ ngày 06/03/2025 thì thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m². Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất có 01 nhà diện tích 97,8m² thì có diện tích 52,5m² xây sang thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu giao thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m² và các tài sản trên đất cho ông B và giao thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho cho bà Bùi Thị Thu H (hoặc ngược lại) thì sẽ không thể thi hành án được. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xác định các thửa đất số 89 và 90 tờ bản đồ số 77 có tổng diện tích 1.304,1m² có vị trí sát nhau trên đất có căn nhà xây cấp 4 diện tích 97,8m² nằm trên hai thửa đất nên khi chia tài sản thì không thể chia làm hai nếu chia thành hai thửa thì sẽ giảm giá trị căn nhà nên bà H, ông B đều thống nhất cần giao tài sản là 02 thửa đất cho một người quản lý, sử dụng, đồng thời thanh toán cho người còn lại giá trị mà người đó được hưởng.

Căn cứ vào Văn bản thoả thuận về việc phân chia tài sản ngày 31/7/2022 và ngày 30/5/2023 giữa bà H và ông B thì hai bên đều thoả thuận giao hai thửa đất 89 và 90 cho ông Bảo quản L1, sử dụng; ông B có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà H. Sau khi thoả thuận phân chia tài sản thì ông B là người quản lý, sử dụng đến nay và đã tạo lập thêm một số công trình, tài sản trên đất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử giao cho ông B được quyền sử dụng đối với thửa đất số 89 và 90 và toàn bộ tài sản trên đất là có căn cứ, phù hợp với thoả thuận của các đương sự trước đó và không vi phạm quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B rút nội dung phản tố về việc đề nghị

công nhận khoản nợ 150.000.000 đồng vay của ông Đinh Quý N4, bà Nguyễn Thị Thúy H4 và buộc bà H thanh toán lại cho ông B số tiền 75.000.000 đồng (vì ông B đã sử dụng tiền riêng của mình để trả cho ông Q, bà H4). Đồng thời, rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông B rút nội dung phản tố về việc buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền 150.000.000 đồng vay ông Đinh Quý N4 và bà Nguyễn Thị Thúy H4; nguyên đơn không có ý kiến gì về rút yêu cầu phản tố của ông B và việc ông B rút toàn bộ nội dung kháng cáo đều hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật cần chấp nhận. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 312, điểm b khoản 1 Điều 289, điểm b khoản 2 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm đối với quyết định giải quyết yêu cầu phản tố của ông Đinh Quốc B về việc buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền 150.000.000 đồng vay ông Đinh Quý N4 và bà Nguyễn Thị Thúy H4. Và đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo của bị đơn ông Đinh Quốc B.

Về án phí sơ thẩm: Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm ông B rút nội dung phản tố nêu trên, bà H không có ý kiến gì nhưng căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trong trường hợp này ông B vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H không được chấp nhận, bị đơn ông Đinh Quốc B rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H và ông B phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 70/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các Điều 18, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1] Tài sản chung của bà Bùi Thị Thu H và ông Đinh Quốc B gồm: Thừa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m²(Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ) giá 850.000.000 đồng và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ) giá 700.000.000 đồng, 01 giàn máy: 20.000.000 đồng, tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m² giá 178.283.972 đồng, 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m² giá 81.004.966 đồng, 01 nhà kho diện tích 214m² giá 227.764.971 đồng, 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m² giá 91.795.200 đồng, 02 trụ cổng xây gạch giá trị 2.500.000 đồng, 01 cổng sắt, khung thép giá 6.200.000 đồng, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m² giá 25.171.000 đồng, 01 mái che khung thép mái lợp tôn giá: 600.000 đồng, 01 chuồng gà diện tích 29m² giá: 4.000.000 đồng, 03 cây lộc vùng trồng năm 2020 giá 1.800.000 đồng, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023 giá 1.500.000 đồng, 20 cây dừa trồng năm 2020 giá 4.300.000 đồng, 01 cây ổi giá 186.000 đồng, 01 cây cóc giá 186.000 đồng, 09 cây vải trồng năm 2023 giá 2.502.000 đồng tiền khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021 giá trị khoảng 20.000.000đồng, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022 là: 100.000.000đồng. Tài sản chung có giá là: 2.317.794.109 đồng.

- Chia cho bà Bùi Thị Thu H 04 phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là: 948.717.664 đồng.

- Chia cho ông Đinh Quốc B 06 phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là: 1.369.076.445 đồng

[1.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H về việc:

- Được nhận toàn bộ tài sản chung là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ), 01 giàn máy và toàn bộ tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m², 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m², 01 nhà kho diện tích 214m², 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m², 02 trụ cổng xây gạch, 01 cổng sắt, khung thép, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m², 01 mái che khung thép mái lợp tôn, 01 chuồng gà diện tích 29m², 03 cây lộc vùng trồng năm 2020, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023, 20 cây dừa trồng năm 2020, 01 cây ổi giá, 01 cây cóc, 09 cây vải trồng năm 2023, khoan giếng và mua sắm máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022. và bù lại ½ giá trị cho ông Đinh Quốc B.

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0097/2025/HĐTC-CN/SHB.121000 ngày 23/04/2025 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ và ông Đinh Quốc B là do vi phạm điều cấm.

[1.3] Chấp nhận một yêu cầu chia tài sản chung của bà Bùi Thị Thu H về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Buộc ông Đinh Quốc B có trách nhiệm bù chênh lệch tài sản số tiền là: 948.717.664 đồng cho bà Bùi Thị Thu H.

[1.4] Giao cho ông Đinh Quốc B: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77, diện tích 381,7m²(Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ) giá và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, diện tích 922,4m²(Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ), 01 giàn máy, tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 diện tích, 97,8m², 01 nhà cột gỗ diện tích 48,5m², 01 nhà kho diện tích 214m², 01 mái che khung sắt diện tích 268,8m², 02 trụ cổng xây gạch, 01 cổng sắt, khung thép, 01 mái che khung thép diện tích 39,3m², 01 mái che khung thép mái lợp tôn, 01 chuồng gà diện tích 29m², 03 cây lộc vừng trồng năm 2020, 01 cây bằng lăng trồng năm 2023, 20 cây dừa trồng năm 2020, 01 cây ổi giá 186.000 đồng, 01 cây cóc, 09 cây vải trồng năm 2023, giếng khoan và máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, chi phí xây dựng bờ kè đá(4x 6) chiều dài 50,89m cao 1,5m rộng 0,5m (sát mép hồ) trên thửa đất 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022(Giá: 2.317.794.109 đồng) và hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 4/2025 cho ông Đinh Quốc B quản lý, sử dụng.

Tứ cận của thửa đất thửa đất số 89: Hướng Đông giáp thửa đất số 76, 77, cạnh dài 3,85m + 8,06m; Hướng Tây giáp đường, cạnh dài 4m; Hướng Bắc giáp thửa đất số 88, cạnh dài 48,30m; Hướng Nam giáp thửa đất số 90, cạnh dài 49,19m.

Tứ cận của thửa đất thửa đất số 90: Hướng Đông giáp thửa đất số 77; Hướng Tây giáp đường; Hướng Bắc giáp thửa đất số 89; Hướng Nam giáp phần diện tích bồi bờ hồ Buôn Cuôr C1.

Ông Đinh Quốc B có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất được giao và thực hiện nghĩa vụ tài chính nếu có theo quy định của pháp luật về đất đai.

[1.5] Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Đinh Quốc B về việc:

Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả ½ số tiền 275.000.000 đồng tiền thi công sửa chữa nhà, trả ½ số tiền: 100.000.000 đồng tiền mua đất 0,5m x 49,19m và trả ½ số tiền 175.000.000 đồng tiền mua diện tích đất phía sau căn nhà cấp 4 và phía sau nhà kho khoảng 100m² mua của bà HR Niê, ông YT Niê và bà HM Niê trong thời gian bà H bỏ nhà đi, trả ½ số tiền 20.000.000 đồng tiền khoan giếng và mua sắp máy móc, thiết bị để lắp đặt giếng bơm điện ba pha vào năm 2021, trả ½ số tiền 2.500.000 đồng chi phí xây 02 trụ cổng và làm khung sắt kèm theo lưới B40 để làm hàng rào trước cổng đối với 02 thửa đất vào năm 2021, trả ½ số tiền 120.000.000 đồng bà H đã lấy của ông B khi bỏ nhà ra đi vào năm 2021, trả lại ½ số tiền 2.000.000.000 đồng vay ông Trần Huy B2 để mua đất và buộc bà H phải

trả lại cho ông B số tiền 500.000.000 đồng tiền thừa kế mà ông B được hưởng, trả ½ số tiền 100.000.000 đồng chi phí xây dựng bờ kè đá (sát mép hồ) trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77, xã H vào năm tháng 10/2022, trả ½ số tiền 30.000.000 đồng tiền chi phí làm hàng rào sắt phía trên bờ kè đá vào tháng 4/2025.

[1.6] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 3.600.000 đồng tiền tiền chi phí thẩm định tài sản và định giá tài sản và ông Đinh Quốc B phải chịu 5.400.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bà Bùi Thị Thu H được khấu trừ số tiền 9.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ và được trả lại số tiền 5.400.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khi nào thu được của ông Đinh Quốc B.

[1.7] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000922 ngày 23/9/2025.

Bà Bùi Thị Thu H phải chịu số tiền 40.461.529 đồng án phí dân sự sơ thẩm phân chia tài sản chung được khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí (do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay) theo biên lai số AA/2023/0005442 ngày 06/3/2024; số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0009715 ngày 27/3/2024 và số tiền 625.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0010057 ngày 14/5/2024 và 300.000 đồng theo biên lai số 00013757 ngày 14/10/2024. Bà Bùi Thị Thu H còn tiếp tục phải nộp 22.536.529 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đinh Quốc B phải chịu số tiền 46.172.293 đồng án phí dân sự sơ thẩm phân chia tài sản chung.

Ông Đinh Quốc B phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố chia nợ chung không được chấp nhận: 3.750.000 đồng.

Ông Đinh Quốc B được khấu trừ vào số tiền số tiền 45.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0013355 ngày 12/8/2024 và 7.462.500 đồng theo biên lai số 000052 ngày 04/8/2025 và 300.000 đồng theo biên lai số 0013932 ngày 23/10/2024. Hoàn trả lại Ông Đinh Quốc B số tiền 3.840.207 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

[2] Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Quốc B về việc: Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả ½ số tiền 150.000.000 đồng vay ông Đinh Quý N4 và bà Nguyễn Thị Thúy H4.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005808 ngày 25/5/2026.

Bị đơn ông Đinh Quốc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006028 ngày 28/5/2026 (do ông Lê Xuân T3 nộp thay).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk ;

- Phòng THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;

(Đã ký)

- Dương sự;

- Công thông tin điện tử Tòa án;

- Lưu.

Trịnh Văn Toàn